

Số: 320 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*); Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2019*), Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Công văn số 348/HĐND-VHXXH ngày 12/11/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp cuối năm 2021;

Căn cứ Báo cáo số 376/BC-STP ngày 18/11/2021 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội;

Tiếp thu ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội đối với dự thảo Nghị quyết;

Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: Điều 27 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của địa phương*”;

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015: điểm h, Khoản 9, Điều 30 quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo*

đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII đề ra chỉ tiêu đến năm 2025: *“Không còn hộ nghèo và hộ tái nghèo theo tiêu chuẩn của thành phố”*;

- Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về *“Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025”* đặt mục tiêu *“không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân Thủ đô”, “giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực thành thị - nông thôn, phấn đấu đạt nhiều chỉ tiêu cao hơn mức chuẩn quốc gia”,* đề ra chỉ tiêu *“Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố”*;

- Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (*Phụ lục số 6 - Quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội*);

- Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

2. Căn cứ thực tiễn

a) *Giai đoạn 2016-2020, Thành phố dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác an sinh xã hội, giảm nghèo*

Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, trên cơ sở điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối nguồn lực, Thành phố đã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách theo quy định của Chính phủ.

Quy định chính sách hỗ trợ cao hơn Trung ương nhằm giảm nghèo như: hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo; hỗ trợ hàng tháng bằng tiền; đỡ đầu trẻ em; hỗ trợ chương trình sữa học đường cho trẻ em; hỗ trợ xây, sửa nhà ở; hỗ trợ giống, vốn, công cụ lao động, phương tiện làm ăn... Công tác giảm nghèo của Thành phố được triển khai, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp với thực hiện phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, kết quả Thành phố đã hoàn thành trước 02 năm mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020. Đến cuối năm 2021, ước tỷ lệ hộ nghèo của Thành phố chỉ còn 0,008%, có 17 quận, huyện không còn hộ nghèo, trong đó 02 quận không còn hộ nghèo và hộ cận nghèo.

b) Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành các nghị quyết quy định chính sách đặc thù nhằm trợ cấp, hỗ trợ cho nhóm người thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng tự lao động thoát nghèo và chính sách hỗ trợ hộ nghèo sau khi thoát nghèo nhằm giảm nghèo bền vững, cụ thể:

- Nghị quyết số 03/2017 ngày 03/7/2017 về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, trong đó, quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội. Mức trợ cấp 350.000 đồng/người/tháng (*bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội*).

Trong giai đoạn 2016-2021, đã có hơn 22.000 lượt người được trợ cấp hàng tháng, số tiền 92,4 tỷ đồng. Chính sách đã góp phần giảm bớt khó khăn cho những người không đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của Chính phủ, thể hiện được sự ưu việt, độ bao phủ của chính sách an sinh xã hội đến từng nhóm đối tượng phù hợp.

- Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo ổn định cuộc sống của Thành phố với 04 chính sách: (1) Hỗ trợ hàng tháng bằng mức chuẩn nghèo của Thành phố đối với thành viên thuộc hộ không có khả năng thoát nghèo, cận nghèo mà trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc không có người còn khả năng lao động thuộc diện: người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo. (2) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho thành viên hộ gia đình nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng sau khi hộ gia đình thoát cận nghèo. (3) Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập mức 100.000 đồng/học sinh/tháng cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế không quá 9 tháng/năm học, tối đa không quá 03 năm học. (4) Tiếp nhận người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.

Nghị quyết đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân và sự đánh giá cao của các cơ quan kiểm tra, giám sát. Hiện có 8.890 người đang hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng; 10.504 người đang hưởng hỗ trợ bảo hiểm y tế; 11.766 người đang hưởng chính sách hỗ trợ giáo dục; 100 đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội. Chính sách đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, trong 02 năm (2019-2020) đã có 9.024 hộ thoát nghèo do được hưởng chính sách đặc thù của Thành phố.

c) Quy định về chuẩn nghèo thay đổi

- Ngày 27/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và ngày 05/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, trong đó, chuẩn nghèo và chuẩn cận nghèo có tiêu chí thu nhập bằng nhau, chỉ khác nhau tiêu chí đa chiều, cụ thể:

	Nông thôn	Thành thị
Hộ nghèo	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên
Hộ cận nghèo	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

Trong đó, tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản gồm 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

d) Mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố được nâng lên và một số nhóm đối tượng khó khăn thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đã được quy định trở thành đối tượng bảo trợ xã hội tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội.

3. Sự cần thiết ban hành văn bản

- Để đạt mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố đã đề ra, cần tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ thành viên hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để động viên, giúp đỡ hộ nghèo vươn lên

thoát nghèo; đồng thời hỗ trợ hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo nhằm giảm nghèo bền vững, chống tái nghèo.

- Theo quy định hiện hành, tiêu chí thu nhập xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo bằng nhau, vì vậy, khi mức hỗ trợ bằng mức chuẩn tiêu chí thu nhập thì hộ được hỗ trợ có khả năng thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo;

- Một số đối tượng đang hưởng chính sách thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo chuyển sang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND;

- Mức trợ cấp cho người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND được xây dựng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội là 350.000 đồng/người/tháng. Đến nay, mức chuẩn trợ giúp xã hội đã được nâng lên 440.000 đồng.

Do đó, để phù hợp với các quy định hiện hành, đảm bảo sự thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật của Thành phố, việc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành “Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hà Nội” là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hà Nội, thay thế Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND và khoản 6, Điều 1, Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố để phù hợp với quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố.

- Kế thừa những chính sách hiện hành; sửa đổi điều kiện hưởng và bổ sung đối tượng để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật mới ban hành của Thành phố.

- Chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Quan điểm xây dựng

- Phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

- Đúng quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Thủ đô và khả năng cân đối ngân sách.

- Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Dự thảo Nghị quyết gồm 6 điều

- Điều 1. Quy định đối tượng, phạm vi;

- Điều 2. Chính sách hỗ trợ hàng tháng;
- Điều 3. Chính sách hỗ trợ y tế;
- Điều 4. Chính sách hỗ trợ giáo dục;
- Điều 5. Quy định nguồn kinh phí;
- Điều 6. Quy định điều khoản thi hành.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) *Phạm vi điều chỉnh*: Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo để ổn định cuộc sống.

b) Đối tượng áp dụng

- Trẻ em dưới 15 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo. Các đối tượng này là thành viên thuộc: (1) hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo; (2) trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hoặc trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi và đang học văn hóa, học nghề.

- Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân.

- Thành viên hộ nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo; thành viên hộ cận nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo.

3. Nội dung đề xuất

3.1. Chính sách hỗ trợ thứ nhất

a) Nội dung chính sách

- Hỗ trợ hàng tháng cho trẻ em dưới 15 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo (gồm: người bị nhiễm HIV/AIDS; ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế).

Các đối tượng này là thành viên thuộc: (1) hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo; (2) trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hoặc trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi và đang học văn hóa, học nghề.

- Mức hỗ trợ hàng tháng:

+ Khu vực nông thôn (các xã): 2.000.000 đồng/người/tháng.

+ Khu vực thành thị (các phường, các thị trấn): 2.500.000 đồng/người/tháng.

b) Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung và cơ sở đề xuất

- Chính sách thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, trong đó quy định “Mức hỗ trợ hàng tháng sẽ được điều chỉnh tương ứng khi chuẩn nghèo của Thành phố thay đổi”, do đó, Ủy ban nhân

dân Thành phố đề xuất mức hỗ trợ hàng tháng bằng tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo theo Quyết định về chuẩn nghèo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Bổ sung đối tượng **“trẻ em dưới 15 tuổi”**: đây là nhóm trẻ em chưa đến tuổi lao động, chính sách nhằm đảm bảo trẻ em không phải lao động trước tuổi, được thực hiện quyền về học tập và giảm nguy cơ trở thành trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.

- Sửa đổi điều kiện hưởng từ **“hộ nghèo, hộ cận nghèo”** thành **“hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo; hộ thoát cận nghèo”** do: theo quy định về chuẩn nghèo mới, tiêu chí thu nhập của hộ nghèo bằng hộ cận nghèo. Vì vậy, khi mức hỗ trợ bằng tiêu chí thu nhập, hộ sẽ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo, nội dung đề xuất sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định chuẩn nghèo mới, chống tái nghèo.

c) *Dự kiến đối tượng hưởng chính sách năm 2022 khoảng*: 12.887 người, tăng so với hiện tại là 3.997 người, trong đó tăng do bổ sung đối tượng **“trẻ em dưới 15 tuổi”** là 510 người, tăng do điều chỉnh chuẩn nghèo là 3.487 người.

3.2. Chính sách hỗ trợ thứ hai

a) Nội dung chính sách

- Hỗ trợ hàng tháng cho người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ.

- Mức hỗ trợ hàng tháng: 440.000 đồng/ người/tháng.

b) Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung và cơ sở đề xuất

- Chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND, mức trợ cấp hàng tháng là 350.000 đồng, bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội tại thời điểm ban hành chính sách. Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất nâng mức hỗ trợ lên 440.000 đồng, bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội hiện tại.

- Sửa đổi điều kiện hưởng từ **“người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ”** thành **“người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ”** do khái niệm **“già yếu”** là tiêu chí có tính định tính nên Ủy ban nhân dân cấp xã gặp khó khăn khi xác định đối tượng.

c) *Dự kiến đối tượng hưởng chính sách*: 1.219 người, không thay đổi so với hiện tại.

3.3. Chính sách hỗ trợ về y tế

a) Nội dung chính sách

Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho: thành viên hộ nghèo thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo; thành viên hộ cận nghèo thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo, thoát cận nghèo.

b) Nội dung đề xuất sửa đổi và cơ sở đề xuất

- Chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND.

- Bổ sung đối tượng **“thành viên hộ cận nghèo thoát cận nghèo”** để góp phần tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, giúp hộ mới thoát cận nghèo được đảm bảo chăm sóc y tế, tập trung phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, tránh tái nghèo.

c) *Dự kiến số người hưởng chính sách năm 2022 khoảng: 23.124 người, tăng so với hiện tại khoảng 12.620 người, trong đó khoảng 6.000 người là đối tượng mới đề xuất và 6.620 người tăng do điều chỉnh chuẩn nghèo.*

3.4. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

a) Nội dung chính sách

- Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/tháng cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo.

- Hỗ trợ 100% học phí cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo.

Mức hỗ trợ học phí bằng mức thực tế học sinh phải nộp nhưng không quá mức thu học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cho từng cấp, từng vùng và từng năm học. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học và 03 năm học sau khi hộ thoát nghèo.

b) Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ sở đề xuất

- Chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND.

- Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất mức hỗ trợ chi phí học tập tăng từ 100.000 đồng/tháng lên 150.000 đồng/tháng, bằng mức hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

c) *Dự kiến số người hưởng chính sách năm 2022 khoảng: 17.063 người, tăng so với hiện tại 5.297 người do điều chỉnh chuẩn nghèo.*

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến kinh phí

Kinh phí thực hiện một năm (*kể từ năm 2022*) dự kiến 381 tỷ đồng, tăng 222 tỷ đồng so với hiện hành, trong đó:

- Đối tượng trẻ em dưới 15 tuổi tăng khoảng 12 tỷ đồng;
- Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế hộ cận nghèo thoát cận nghèo khoảng 05 tỷ đồng;
- Do tăng mức hỗ trợ và điều chỉnh chuẩn nghèo khoảng 205 tỷ đồng;

2. Nguồn kinh phí

Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp (*đã dự kiến tính vào cân đối ngân sách các quận, huyện, thị xã từ đầu thời kỳ ổn định từ năm 2022*).

3. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo đáp ứng đủ kinh phí để thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các ban: VHXX, KTNS, PC (HĐND Thành phố);
- Các Sở: LĐTB&XH, TC, TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng KGVX, TKBT, KT, TH;
- Lưu: VT, KGVXDg. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH ✓
PHÓ CHỦ TỊCH



Chữ Xuân Dũng



PHỤ LỤC

Kinh phí thực hiện Nghị quyết về các chính sách giảm nghèo

(kèm theo Tờ trình số 326/TTr-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên chính sách	Đang thực hiện		Đề xuất		Chênh lệch so với hiện hành		Ghi chú
		Số người	Kinh phí thực hiện (tr.đ/năm)	Số người	Kinh phí dự kiến (tr.đ/năm)	Số người	Kinh phí (tr.đ/năm)	
A	B	1	2	3	4	5=3-1	6=4-2	7
1	Trợ cấp hàng tháng theo NQ 03/2017	1.219	5.120	1.219	6.436	-	1.317	Tăng mức hỗ trợ từ 350.000 lên 440.000 đồng.
2	Chính sách theo NQ 04/2019							
a	Hỗ trợ hàng tháng theo NQ 04/2019	8.890	121.808	2.887	316.805	3.997	194.997	Tăng đối tượng “Trẻ em dưới 15 tuổi” (510 người, 12 tỷ đồng); tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo và tăng mức hỗ trợ bằng chuẩn nghèo.
b	Hỗ trợ bảo hiểm y tế	10.504	8.452	23.124	18.606	12.620	10.154	Tăng đối tượng “bảo hiểm y tế hộ cận nghèo thoát cận nghèo” (6.000 người, 05 tỷ đồng) và tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo.
c	Hỗ trợ giáo dục	11.766	21.976	17.063	39.160	5.297	17.184	Tăng mức hỗ trợ chi phí học tập và tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo.
d	Đưa vào cơ sở BTXH	100	1.260		-	(100)	(1.260)	Đã được quy định là đối tượng bảo trợ xã hội tại NQ 09/2021-NQ-HĐND.
	Cộng	32.479	158.615	54.293	378.812		220.197	

Số: /2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách đặc thù
thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XVI – KỲ HỌP THỨ 3

(Từ ngày ... đến ngày ...)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 28 tháng 11 năm 2008, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/..../2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo để ổn định cuộc sống.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em dưới 15 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo. Các đối tượng này phải đảm bảo các điều kiện: (1) là thành viên thuộc: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; (2) trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, hoặc người dưới 18 tuổi đang học văn hóa, học nghề (kể cả học sinh đang học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên).

Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này gồm: người bị nhiễm HIV/AIDS; ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế.

b) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân.

c) Thành viên hộ nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo; thành viên hộ cận nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo.

d) Thời điểm thoát nghèo, thoát cận nghèo để hưởng chính sách được tính từ sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

đ) Đối tượng hưởng chính sách là người đăng ký thường trú tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ hàng tháng

1. Hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này:

a) 2.000.000 đồng/tháng/người đối với người sống tại khu vực nông thôn (các xã);

b) 2.500.000 đồng/tháng/người đối với người sống tại khu vực thành thị (các phường, các thị trấn).

2. Hỗ trợ hàng tháng mức 440.000 đồng/người/tháng cho đối tượng tại điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này.

3. Trường hợp đối tượng thuộc diện được hưởng các mức hỗ trợ, trợ cấp, trợ giúp hàng tháng khác thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ về y tế

Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo diện hộ gia đình cho: thành viên hộ nghèo được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo; thành viên hộ cận nghèo được công nhận thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ tháng được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

1. Hỗ trợ 100% số tiền đóng học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (kể cả học sinh tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) là thành viên hộ nghèo được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo.

2. Hỗ trợ 100% số tiền đóng học phí cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (kể cả học sinh tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) là thành viên hộ nghèo được công nhận thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo.

3. Mức hỗ trợ học phí theo mức đóng thực tế nhưng tối đa không quá mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng, tương ứng với từng vùng, từng cấp học do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

4. Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 150.000 đồng/tháng.

5. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học và không quá 03 năm học kể từ khi thoát nghèo.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố: hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch; tổ chức thực hiện các chính sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, kịp thời và không để phát sinh hộ nghèo.

2. Giao Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền rộng rãi; thông báo công khai các nội dung chính sách để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách.

3. Các quận, huyện, thị xã được quy định các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo khác, phù hợp tình hình thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội và ngân sách của địa phương.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

6. Bãi bỏ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội và khoản 6, Điều 1, Nghị quyết số 03/2017 ngày 03/7/2017 về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Người đang hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố được tiếp tục hưởng đến hết thời gian hỗ trợ theo quy định, mức hỗ trợ bằng mức quy định tại Nghị quyết này, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực: HĐND, UBND, UB MTTQ TP;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP
- Các sở, ban, ngành TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Cổng Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ LAO ĐỘNG –
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Email: vanthu_soldtbxh@hanoi.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Ngày ký: 01/12/2021 17:02:04 +07:00

Số: ~~6773~~ /TTr-SLĐTBXH

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v duyệt ký hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ các quy định của của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Chương trình công tác của UBND thành phố Hà Nội;

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND Thành phố tại Văn bản số 348/HĐND-VHXX ngày 12/11/2021 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp cuối năm 2021;

Ngày 15/11/2021, Liên Sở: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Tài chính đã có Tờ trình số 6404/TTr-SLĐTBXH về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội báo cáo UBND Thành phố;

Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến tại Báo cáo số 376/BC-STP ngày 18/11/2021 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội, ngày 19/11/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Tờ trình số 6513/TTr-SLĐTBXH về việc duyệt ký hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

Thực hiện Thông báo số 133/ TB-MTTQ-BTT ngày 29/11/2021 về ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội đối với dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội;

Sau khi nghiên cứu các ý kiến phản biện, rà soát các quy định và thống nhất với các cơ quan liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉnh sửa Dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội vào kỳ họp cuối năm 2021 (cùng Dự thảo Nghị quyết). Kính đề nghị UBND Thành phố duyệt ký hồ sơ trình.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các văn bản:

1. Dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố gửi HĐND thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết;
2. Dự thảo Báo cáo thuyết minh căn cứ ban hành Nghị quyết;
3. Dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện xã hội;
4. Dự thảo Nghị quyết;
5. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
6. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;
6. Tài liệu khác.

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội kính trình UBND Thành phố xem xét, quyết định./. *clv*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BTXH.





Ký bởi: Sở Tư pháp
Email: vanthu_sotp@hanoi.gov.vn
Ngày ký: 2021-11-18 16:23:23 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2021

Số: 376 /BC-STP

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

Kính gửi: Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội theo đề nghị của Lao động Thương binh và Xã hội tại công văn số 6365/SLĐTBXH-BTXH. Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết và thẩm quyền, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết

Sở Tư pháp nhất trí về sự cần thiết đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội (thay thế Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND và khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND) của HĐND thành phố Hà Nội để phù hợp với quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và chuẩn trợ giúp xã hội hiện nay của Thành phố.

Về thẩm quyền: Căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; điểm h Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và Luật Ban hành văn bản QPPL, thẩm quyền quyết định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội là của Hội đồng nhân dân Thành phố, được ban hành theo hình thức Nghị quyết QPPL.

Đối tượng áp dụng phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.

2. Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước

Về cơ bản, nội dung của dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về chính sách đối với người nghèo. Việc thực hiện chính sách này nhằm giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, tránh tái nghèo sau khi đã được công nhận thoát nghèo.



3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

3.1. Tính hợp hiến

Nội dung dự thảo về các chính sách giảm nghèo bền vững phù hợp với nội dung cơ bản của Hiến pháp về thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người nghèo quy định tại Điều 59 Hiến pháp.

3.2 Tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Thẩm quyền ban hành và nội dung dự thảo phù hợp với quy định tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015. Cụ thể, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Mức hỗ trợ của các chính sách trong dự thảo Nghị quyết (chính sách hỗ trợ hàng tháng; chính sách hỗ trợ về y tế; chính sách hỗ trợ về giáo dục) phù hợp với quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; chuẩn trợ giúp xã hội hiện nay của Thành phố và quy định hiện hành của Trung ương.

4. Sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết và các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được thông qua

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận tại văn bản số 348/HĐND-VHXH về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp cuối năm 2021.

5. Về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản: Dự thảo được trình bày theo mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. (Lưu ý không sử dụng các ký hiệu gạch đầu dòng (-) trong dự thảo văn bản QPPL.

6. Về quy trình, trình tự ban hành Nghị quyết

Hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo bao gồm các tài liệu theo quy định tại Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Từ những nội dung trên, Sở Tư pháp thống nhất việc hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố đủ điều kiện trình cơ quan có thẩm quyền xem xét.

Trên đây là ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, quyết định./.

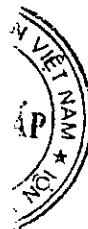
Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c PCT UBND TP Lê Hồng Sơn (để b/c)
- Lưu: VT, VBQP

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Anh





Người ký: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND
Email: vanthu_hdndtp@hanoi.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Thời gian ký: 15.11.2021 13:42:01 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **348** /HĐND-VHXXH
V/v chấp thuận đề nghị xây dựng
Nghị quyết trình tại kỳ họp
cuối năm 2021

Hà Nội, ngày **12** tháng **11** năm **2021**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thường trực HĐND Thành phố nhận được Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 09/11/2021 của UBND Thành phố về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

Sau khi xem xét hồ sơ, ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội, Thường trực HĐND Thành phố có ý kiến như sau:

1. Thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

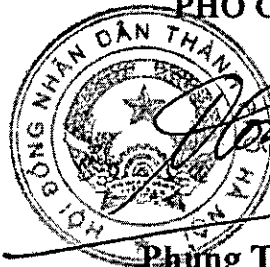
2. Đề nghị UBND Thành phố khẩn trương hoàn thiện Tờ trình, dự thảo Nghị quyết kèm theo hồ sơ và gửi các Ban HĐND Thành phố để thực hiện thẩm tra, trình HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2021 theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch HĐND TP; (để b/c)
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ Việt Nam TP;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các Sở: LĐT&XH, TC, TP;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND TP;
- Lưu: VT, CTHĐND.

TM. THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phùng Thị Hồng Hà

Số: 6404/TT.TLS: LĐTBXH-TC

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù
thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025” và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Công văn số 348/HĐND-VHXX ngày 12/11/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp cuối năm 2011;

Liên Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính kính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII đề ra chỉ tiêu đến năm 2025: “Không còn hộ nghèo và hộ tái nghèo theo tiêu chuẩn của thành phố”;

- Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025”, trong đó, đặt mục tiêu “không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân Thủ đô”, “giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực thành thị - nông thôn, phấn đấu đạt nhiều chỉ tiêu cao hơn mức chuẩn quốc gia” và đề ra chỉ tiêu “Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố”

- Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố (*Phụ lục số 6 - Quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội*);

- Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

2. Căn cứ thực tiễn

a) Giai đoạn 2016-2020, Thành phố dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác an sinh xã hội, giảm nghèo

Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, trên cơ sở điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối nguồn lực, Thành phố đã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, Thành phố ban hành nhiều chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù như: hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo; hỗ trợ hàng tháng bằng tiền; hỗ trợ chương trình sữa học đường cho trẻ em; hỗ trợ xây, sửa nhà ở¹... Công tác giảm nghèo của Thành phố được triển khai, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp với thực hiện phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo*”

¹ Một số quận, huyện, thị xã còn có các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo hiệu quả: Hỗ trợ xây dựng nhà ở xuống cấp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ bò giống; tặng xe máy, máy khâu, máy ép mía; hỗ trợ kinh doanh buôn bán nhỏ; vận động doanh nghiệp nhận đỡ đầu học sinh nghèo; tặng sổ tiết kiệm cho hộ nghèo cô đơn, hỗ trợ hàng tháng cho hộ nghèo diện bảo trợ xã hội, hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh, tặng tivi, điện thoại...

- *Không để ai bị bỏ lại phía sau*", kết quả Thành phố đã hoàn thành trước 02 năm mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020. Đến năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo của Thành phố chỉ còn 0,21%, có 14 quận, huyện không còn hộ nghèo, trong đó 02 quận không còn hộ nghèo và hộ cận nghèo.

b) *Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành các nghị quyết quy định chính sách đặc thù nhằm trợ cấp, hỗ trợ cho nhóm người thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng tự lao động thoát nghèo và chính sách hỗ trợ hộ nghèo sau khi thoát nghèo nhằm giảm nghèo bền vững, cụ thể:*

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, trong đó, quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội. Mức trợ cấp 350.000 đồng/người/tháng (*bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội*).

Trong giai đoạn 2016-2021, đã có hơn 22.000 lượt người được trợ cấp hàng tháng, số tiền 92,4 tỷ đồng. Chính sách đã góp phần giảm bớt khó khăn cho những người không đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của Chính phủ, thể hiện được sự ưu việt, độ bao phủ của chính sách an sinh xã hội đến từng nhóm đối tượng phù hợp.

- Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo ổn định cuộc sống của Thành phố với những chính sách sau:

+ Chính sách thứ nhất: Hỗ trợ hàng tháng đối với thành viên thuộc hộ không có khả năng thoát nghèo, cận nghèo mà trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc không có người còn khả năng lao động thuộc diện: người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo (*HIV, ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 và các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế*).

Mức hỗ trợ hàng tháng áp dụng bằng mức chuẩn nghèo của thành phố Hà Nội (*1.400.000 đồng/người/tháng (thành thị); 1.100.000 đồng/người/tháng (nông thôn)*). Mức trợ cấp sẽ được điều chỉnh khi chuẩn nghèo thay đổi.

+ Chính sách thứ hai: Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho thành viên hộ gia đình nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng sau khi hộ gia đình thoát cận nghèo.

+ Chính sách thứ ba: Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập mức 100.000 đồng/học sinh/tháng cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (*kể cả học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên*) là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế không quá 9 tháng/năm học, tối đa không quá 03 năm học sau khi hộ gia đình thoát nghèo.

+ Chính sách thứ tư: Tiếp nhận người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.

Nghị quyết đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân và sự đánh giá cao của các cơ quan kiểm tra, giám sát. Hiện có 8.890 người đang hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng; 10.504 người đang hưởng hỗ trợ bảo hiểm y tế; 11.766 người đang hưởng chính sách hỗ trợ giáo dục; 100 đối tượng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội. Chính sách đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, trong 02 năm (2019-2020) đã có 9.024 hộ thoát nghèo do được hưởng chính sách đặc thù của Thành phố.

c) Quy định về chuẩn nghèo thay đổi

- Ngày 27/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và ngày 05/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, trong đó, chuẩn nghèo và chuẩn cận nghèo có tiêu chí thu nhập bằng nhau, chỉ khác nhau tiêu chí đa chiều, cụ thể:

	Nông thôn	Thành thị
Hộ nghèo	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên
Hộ cận nghèo	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

Trong đó, tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản gồm 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

d) *Mức chuẩn trợ giúp xã hội* của Thành phố được nâng lên và một số nhóm đối tượng khó khăn thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đã được quy định trở thành đối tượng bảo trợ xã hội tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối

tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội.

3. Sự cần thiết ban hành văn bản

- Để đạt mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố đã đề ra, cần tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù hỗ trợ thành viên hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để động viên, giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo;

- Theo quy định hiện hành, tiêu chí thu nhập xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo bằng nhau, vì vậy, khi mức hỗ trợ bằng mức chuẩn tiêu chí thu nhập thì hộ được hỗ trợ có khả năng thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo;

- Một số đối tượng đang hưởng chính sách thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo chuyển sang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND;

- Mức trợ cấp cho người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND đang được hưởng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội là 350.000 đồng/người/tháng. Đến nay, mức chuẩn trợ giúp xã hội đã được nâng lên 440.000 đồng.

Do đó, để phù hợp với các quy định hiện hành, đảm bảo sự thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật của Thành phố, việc Liên Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành “Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hà Nội” là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hà Nội và thay thế Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 và khoản 6, Điều 1, Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố để phù hợp với quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố.

- Kế thừa những chính sách hiện hành; sửa đổi điều kiện hưởng và bổ sung đối tượng để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật mới ban hành của Thành phố.

- Chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Quan điểm xây dựng

- Phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

- Đứng quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Thủ đô và khả năng cân đối ngân sách.

- Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN

Bước 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chính sách.

Bước 2. Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết “quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội”.

Bước 3. Đăng tải Dự thảo Nghị quyết lên Cổng Giao tiếp điện tử Thành phố để lấy ý kiến của các cá nhân, tổ chức. Kết quả: không có ý kiến góp ý.

Bước 4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các quận, huyện, thị xã, các sở, ban, ngành Thành phố.

Các ý kiến đóng góp của các sở, ngành, quận, huyện, thị xã đều cơ bản đồng tình, một số nội dung góp ý đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa.

Bước 5. Đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Bước 6. Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Bước 7. Tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Bước 8. Lấy ý kiến về Dự thảo Nghị quyết. Xây dựng báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý về nội dung Dự thảo Nghị quyết. Chính lý dự thảo Nghị quyết.

Bước 9: Lập hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết.

Bước 10. Hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Dự thảo Nghị quyết gồm 6 điều

- Điều 1. Quy định đối tượng, phạm vi;
- Điều 2. Chính sách hỗ trợ hàng tháng;
- Điều 3. Chính sách hỗ trợ y tế;
- Điều 4. Chính sách hỗ trợ giáo dục;
- Điều 5. Quy định nguồn kinh phí;
- Điều 6. Quy định điều khoản thi hành.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) *Phạm vi điều chỉnh*: Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo để ổn định cuộc sống.

b) *Đối tượng áp dụng*

- Trẻ em dưới 13 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo (gồm: người bị nhiễm HIV/AIDS; ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế).

Các đối tượng này là thành viên thuộc: (1) hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo; (2) trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hoặc trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi và đang học phổ thông.

- Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân.

- Thành viên hộ nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo; thành viên hộ cận nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo.

3. Nội dung chính sách

3.1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề xuất

3.1.1. Chính sách hỗ trợ thứ nhất

a) *Nội dung chính sách*

- Hỗ trợ hàng tháng cho trẻ em dưới 13 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo (gồm: người bị nhiễm HIV/AIDS; ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế).

Các đối tượng này là thành viên thuộc: (1) hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo; (2) trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hoặc trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi và đang học phổ thông.

- Mức hỗ trợ hàng tháng:

+ Khu vực nông thôn (các xã): 2.000.000 đồng/người/tháng.

+ Khu vực thành thị (các phường, các thị trấn): 2.500.000 đồng/người/tháng.

b) *Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung và cơ sở đề xuất*

- Chính sách thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, trong đó quy định “Mức hỗ trợ hàng tháng sẽ được điều chỉnh tương ứng khi chuẩn nghèo của Thành phố thay đổi”, do đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất mức hỗ trợ hàng tháng bằng tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo theo Quyết định về chuẩn nghèo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Bổ sung đối tượng **“trẻ em dưới 13 tuổi”**: đây là đối tượng chưa đến tuổi lao động, chính sách hỗ trợ nhằm đảm bảo trẻ em không phải lao động sớm, được thực hiện quyền về học tập và giảm nguy cơ trở thành trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.

- Sửa đổi điều kiện hưởng từ **“hộ nghèo, hộ cận nghèo”** thành **“hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo; hộ thoát cận nghèo”** do: theo quy định về chuẩn nghèo mới, tiêu chí thu nhập của hộ nghèo bằng hộ cận nghèo. Vì vậy, khi mức hỗ trợ bằng tiêu chí thu nhập, hộ sẽ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo. Sở Lao động -Thương binh và Xã hội đề xuất sửa đổi điều kiện hỗ trợ để đảm bảo phù hợp với quy định chuẩn nghèo mới, chống tái nghèo.

c) *Dự kiến đối tượng hưởng chính sách*: 8.940 người, tăng so với hiện tại là 420 người.

3.1.2. Chính sách hỗ trợ thứ hai

a) Nội dung chính sách

- Hỗ trợ hàng tháng cho người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ.

- Mức hỗ trợ hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội: 440.000 đồng/người/tháng.

b) Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung và cơ sở đề xuất

- Chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND, mức trợ cấp hàng tháng là 350.000 đồng, bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội tại thời điểm ban hành chính sách. Sở Lao động -Thương binh và Xã hội đề xuất nâng mức hỗ trợ lên 440.000 đồng, bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội hiện tại.

- Sửa đổi điều kiện hưởng từ **“người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ”** thành **“người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ”** do khái niệm **“già yếu”** là tiêu chí có tính định tính nên Ủy ban nhân dân cấp xã gặp khó khăn khi xác định đối tượng.

c) *Dự kiến đối tượng hưởng chính sách*: 799 người, không thay đổi so với hiện tại.

3.1.3. Chính sách hỗ trợ về y tế

a) Nội dung chính sách

Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho: thành viên hộ nghèo thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo; thành viên hộ cận nghèo thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo, thoát cận nghèo.

b) Nội dung đề xuất sửa đổi và cơ sở đề xuất

- Chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND.

- Bổ sung đối tượng **“thành viên hộ cận nghèo thoát cận nghèo”** để góp phần tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, giúp hộ mới thoát cận nghèo được đảm bảo chăm sóc y tế, tập trung phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, tránh tái nghèo.

c) *Dự kiến số người hưởng chính sách năm 2022 khoảng: 23.124 người, tăng so với hiện tại khoảng 12.620 người, trong đó khoảng 6.000 người là đối tượng mới đề xuất và 6.620 người tăng do điều chỉnh chuẩn nghèo.*

3.1.4. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

a) Nội dung chính sách

- Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/tháng cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo.

- Hỗ trợ 100% học phí cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo.

Mức hỗ trợ học phí bằng mức thực tế học sinh phải nộp nhưng không quá mức thu học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cho từng cấp, từng vùng và từng năm học. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học và 03 năm học sau khi hộ thoát nghèo.

b) Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ sở đề xuất

- Chính sách đã được quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND.

- Sở Lao động -Thương binh và Xã hội đề xuất mức hỗ trợ chi phí học tập tăng từ 100.000 đồng/tháng lên 150.000 đồng/tháng, bằng mức hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

c) Dự kiến số người hưởng chính sách không thay đổi.

3.2. Đề xuất của Liên Sở: Lao động -Thương binh và Xã hội - Tài chính:

Trên cơ sở đề xuất của Sở Lao động Thương binh và xã hội nêu trên, Liên Sở: Lao động -Thương binh và Xã hội - Tài chính thống nhất với đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về các chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội. Cụ thể:

(1) Hỗ trợ hàng tháng cho trẻ em dưới 13 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo (*gồm: người bị nhiễm HIV/AIDS; ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế*).

Các đối tượng này là thành viên thuộc: (1) hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo; (2) trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hoặc trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi và đang học phổ thông.

- Mức hỗ trợ hàng tháng:

+ Khu vực nông thôn (các xã): 2.000.000 đồng/người/tháng.

+ Khu vực thành thị (*các phường, các thị trấn*): 2.500.000 đồng/người/ tháng.

(2) Hỗ trợ hàng tháng cho người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ.

Mức hỗ trợ hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội: 440.000 đồng/người/tháng.

(3) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho: thành viên hộ nghèo thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo; thành viên hộ cận nghèo thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo, thoát cận nghèo.

(4) Hỗ trợ về giáo dục:

- Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/tháng cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo.

- Hỗ trợ 100% học phí cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo.

Mức hỗ trợ học phí bằng mức thực tế học sinh phải nộp nhưng không quá mức thu học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cho từng cấp, từng vùng và từng năm học. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học và 03 năm học sau khi hộ thoát nghèo.

V. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến kinh phí

Kinh phí thực hiện một năm (*kể từ năm 2022*) dự kiến 378 tỷ đồng, tăng 220 tỷ đồng so với hiện hành, trong đó:

- Đối tượng trẻ em dưới 13 tuổi tăng khoảng 10 tỷ đồng;
- Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế hộ cận nghèo thoát cận nghèo khoảng 05 tỷ đồng;
- Do tăng mức chuẩn trợ cấp và chuẩn nghèo khoảng 205 tỷ đồng;

2. Nguồn kinh phí

Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.

3. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua

Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo đáp ứng đủ kinh phí để thực hiện Nghị quyết.

4. Đánh giá tác động của Nghị quyết về thủ tục hành chính và giới

- Tác động về thủ tục hành chính: Nghị quyết không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do quy định được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

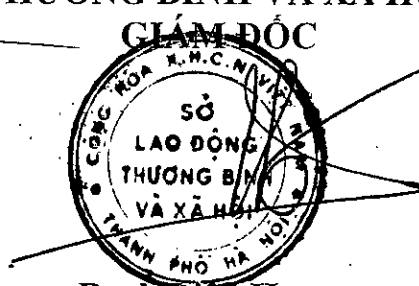
Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội, Liên Sở: Lao động -Thương binh và Xã hội - Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị./.

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Lưu

**SỞ LAO ĐỘNG-
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**
GIÁM ĐỐC



Bạch Liên Hương

Nơi nhận: 1/2

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Đ/c PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng;
- Lưu: SLĐT BXH, STC.

PHỤ LỤC
Kinh phí thực hiện Nghị quyết về các chính sách giảm nghèo

TT	Tên chính sách	Đang thực hiện		Đề xuất		Chênh lệch so với hiện hành		Ghi chú
		Số người	Kinh phí thực hiện (tr.đ/năm)	Số người	Kinh phí dự kiến (tr.đ/năm)	Số người	Kinh phí (tr.đ/năm)	
A	B	1	2	3	4	5=3-1	6=4-2	7
1	Trợ cấp hàng tháng theo NQ 03/2017	1.219	5.120	1.219	6436	-	1.317	Tăng mức trợ cấp từ 350.000 lên 440.000 đ
2	Chính sách theo NQ 04/2019							
a	Hỗ trợ hàng tháng theo NQ 04/2019	8.890	121.808	12.797	314.611	3.907	192.802	Tăng đối tượng Trẻ em dưới 13 tuổi (10 tỷ đồng); tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo và tăng mức hỗ trợ bằng chuẩn nghèo
b	Hỗ trợ bảo hiểm y tế	10.504	8.452	23.124	18.606	12.620	10.154	Tăng đối tượng bảo hiểm y tế hộ cận nghèo thoát cận nghèo (05 tỷ đồng) và tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo
c	Hỗ trợ giáo dục	11.766	21.976	17.063	39.160	5.297	17.184	Tăng mức hỗ trợ chi phí học tập và tăng đối tượng do điều chỉnh chuẩn nghèo
d	Đưa vào cơ sở BTXH	100	1.260		-	(100)	(1.260)	Đã được quy định là đối tượng bảo trợ xã hội tại NQ 09/2021-NQ-HĐND
	Cộng	32.479	158.615	54.203	378.812		220.197	



Ký bởi: Sở Lao động Thương binh và Xã hội
Email: vanthu_soldtbxh@hanoi.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Ngày ký: 12/11/2021 11:26:29 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**SỞ LAO ĐỘNG-
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA X. H. C. N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6364/BC-SLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến vào dự thảo Nghị quyết

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2021-2025;

Thực hiện Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về “phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025”;

Thực hiện Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Thông báo số 759/TB-UBND ngày 11/11/2021 về Kết luận của Ủy ban nhân dân Thành phố về quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội;

Để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân vào dự thảo Nghị quyết như sau:

I. VỀ VIỆC LẤY Ý KIẾN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã lấy ý kiến các Sở, ban, ngành liên quan, các quận, huyện, thị xã và lấy ý kiến nhân dân theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

+ Đăng tải dự thảo Nghị quyết lên Cổng giao tiếp điện tử thành phố (lần 02) để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức và Nhân dân;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết;

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 29/10/2021.

II. TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN

1. Ý kiến trên Cổng giao tiếp điện tử của Thành phố

Không có ý kiến góp ý

2. Ý kiến tại cuộc họp Tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 29/10/2021

a) Ý kiến ban Văn hóa xã hội - Hội đồng nhân dân Thành phố

- Rà soát kỹ các Nghị quyết 03, 04 đảm bảo không để sót đối tượng; các đối tượng đã quy định cần tiếp tục được thực hiện.

- Rà soát không để trùng đối tượng.

- Đối với chính sách mới, đối tượng mới: cần có luận giải căn kẽ hơn, kỹ hơn (ví dụ bổ sung trẻ dưới 13 tuổi cần lập luận kỹ hơn vì Luật Việc làm quy định độ tuổi lao động là dưới 15 tuổi).

Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tiếp thu ý kiến của Ban Văn hóa xã hội và chỉnh sửa Nghị quyết, không để trùng, để sót đối tượng, đảm bảo tiếp tục thực hiện chính sách đối với các đối tượng đã quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND.

Về độ tuổi trẻ em, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội xin giải trình như sau:

+ Khoản 1, Điều 3, Bộ luật Lao động quy định: “Độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi, trừ trường hợp quy định tại Mục 1 Chương XI của Bộ luật này.”

Khoản 3, Điều 143, Mục 1, Chương XI Bộ luật quy định “Người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi chỉ được làm công việc nhẹ theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.”

+ Như vậy, trẻ em từ đủ 13 tuổi được phép làm một số công việc theo quy định của pháp luật, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội đề xuất hỗ trợ hàng tháng cho trẻ em dưới 13 tuổi, vừa đảm bảo quyền trẻ em, vừa đảm bảo tương quan với chính sách của các nhóm đối tượng khác.

b) Ý kiến của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Thành phố

Điều kiện hưởng chính sách của nhóm người cao tuổi đã thay đổi theo hướng rõ hơn, vì vậy cần tiếp tục rà soát để thực hiện chính sách (hiện chỉ có khoảng 700 người cao tuổi được hưởng chính sách).

Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tiếp thu ý kiến của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Thành phố để chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết.

3. Ý kiến các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã

a) Các ý kiến đồng ý, thống nhất với nội dung dự thảo (10 ý kiến)

(1) Sở Nông nghiệp và PTNT (Công văn số 3653/SNN-CCPTNT ngày 09/11/2021);

(2) Sở Y tế (Công văn số 19043/SYT-KTTC ngày 10/11/2021);

(3) Ban Dân tộc Thành phố (Công văn số 360/BDT-CSDT ngày 04/11/2021);

(4) Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội (Công văn số 5298/BHXXH-QLT ngày 06/11/2021);

(5) Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội (Công văn số 599/VNC-VHXXH ngày 08/11/2021);

(6) Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm (Công văn số 1639/UBND-LĐTBXH ngày 08/11/2021);

(7) Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm (Công văn số 2990/UBND-LĐTB&XH ngày 08/11/2021);

(8) Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn (Công văn số 3001/UBND-TBXH ngày 09/11/2021);

(9) Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội huyện Phú Xuyên (Công văn số 78/LĐTBXH ngày 05/11/2021);

(10) Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội quận Hai Bà Trưng (Công văn số 1798/UBND-LĐTBXH ngày 08/11/2021);

b) Các ý kiến cơ bản nhất trí về nội dung, đồng thời có thêm một số góp ý, bổ sung (03 ý kiến)

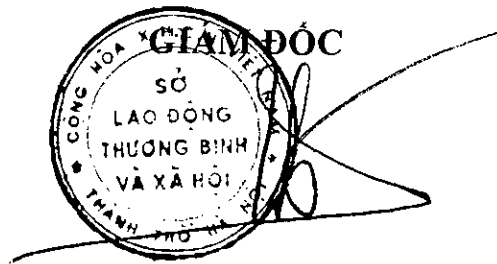
TT	NỘI DUNG GÓP Ý	Ý KIẾN GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
1	Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai Đề xuất chỉnh sửa Điều 5 “Nguồn kinh phí: - Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí để thực hiện chính sách tại các huyện, thị xã; - Ngân sách quận đảm bảo kinh phí để thực hiện chính sách trên địa bàn các quận.”	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do nguồn kinh phí đã được Sở Tài chính cân đối, bảo đảm
2	Ủy ban nhân dân quận Ba Đình Nghị quyết dự kiến có hiệu lực từ 01/01/2022 do đó đề nghị Sở sớm có văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện về đối tượng, trình tự xét duyệt, thủ tục thanh quyết toán...	Tiếp thu, Sở sẽ hướng dẫn ngay sau khi HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết

3	Sở Giáo dục và Đào tạo Đề xuất chỉnh sửa khoản 3, Điều 4: “Mức hỗ trợ học phí theo mức đóng thực tế nhưng tối đa không quá mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng, tương ứng với từng vùng, từng cấp học do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học”.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
---	--	------------------------

Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận: *Am2*

- Như trên;
- Sở Tư pháp (*hồ sơ thẩm định*);
- Lưu: VT, BTXH.



Bạch Liên Hương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
Nhân dân Thành phố
Ngày ký: 07/09/2021
09:11:37 +07:00

Số: **43** /2021/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **05** tháng **9** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội
giai đoạn 2022- 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số
3931/TTr-SLĐTBXH ngày 05 tháng 7 năm 2021 đề nghị ban hành Quyết định
quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Quy định các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của thành phố
Hà Nội giai đoạn 2022-2025 như sau:**

1. Tiêu chí thu nhập

a) Khu vực nông thôn: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Khu vực thành thị: 2.500.000 đồng/người/tháng.

2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

a) Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục;
nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số),
gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế;
trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở;
diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ
sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

c) Dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và ngưỡng thiếu hụt quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chuẩn hộ nghèo, chuẩn hộ cận nghèo và chuẩn hộ có mức sống trung bình của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

1. Chuẩn hộ nghèo

a) Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

2. Chuẩn hộ cận nghèo

a) Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Chuẩn hộ có mức sống trung bình

a) Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

b) Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

4. Chuẩn hộ nghèo, chuẩn hộ cận nghèo, chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của Thành phố giai đoạn 2022 - 2025.

5. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình đăng ký thường trú tại thành phố Hà Nội.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân tham gia công tác giảm nghèo và an sinh xã hội.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan triển khai, hướng dẫn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo quy định của

Thủ tướng Chính phủ và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đảm bảo chính xác, tin cậy, xác định đúng đối tượng, công khai và công bằng.

b) Tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo giai đoạn 2022-2025 và hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

c) Tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan đề xuất, bố trí ngân sách thực hiện rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thực hiện mục tiêu giảm nghèo của Thành phố.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ số hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo chuẩn quy định tại Quyết định này, chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, cơ quan liên quan, triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững, ưu tiên thực hiện đối với các địa phương có nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo.

4. Ban Dân tộc Thành phố

Căn cứ số hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo chuẩn quy định tại Quyết định này, chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, cơ quan liên quan, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 gắn với giảm nghèo bền vững, ưu tiên thực hiện đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5. Các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành Thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố các chương trình, giải pháp cải thiện mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các đơn vị liên quan triển khai, thực hiện.

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

a) Tuyên truyền quy định về chuẩn nghèo đa chiều của Thành phố để Nhân dân biết, thực hiện và giám sát.

b) Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo quy định.

c) Xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo phù hợp đặc điểm kinh tế - xã hội và tình hình thực tế của địa phương.

d) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các giải pháp giảm nghèo tại địa phương.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và giám sát quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2021.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định tại Quyết định này, được cấp có thẩm quyền công nhận, được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ và của Thành phố kể từ ngày 01/01/2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- UB MTTQ Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Báo HNM, KTĐT, Đài PT&TH Hà Nội;
- Công GTĐT TP, Trung tâm TH-CB TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KGVX Dg.

(10)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chu Ngọc Anh

PHỤ LỤC

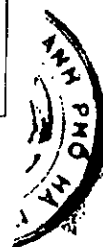
Dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và ngưỡng thiếu hụt trong chuẩn nghèo đa chiều

giai đoạn 2022-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2021/QĐ-UBND ngày 05 / 9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Dịch vụ xã hội cơ bản (Chiều thiếu hụt)	Chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Ngưỡng thiếu hụt
1. Việc làm	Việc làm	Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm (người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, sẵn sàng/mong muốn làm việc nhưng không tìm được việc làm); hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động*. (*) Xem xét cho việc làm thường xuyên, đều đặn, mang tính chất ổn định hoặc tương đối ổn định.
	Người phụ thuộc trong hộ gia đình	Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%. Người phụ thuộc bao gồm: trẻ em dưới 16 tuổi; người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.
2. Y tế	Dinh dưỡng	Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.
	Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất một người từ đủ 6 tuổi trở lên hiện không có bảo hiểm y tế.
3. Giáo dục	Trình độ giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng [Người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học cơ sở; từ 18 tuổi đến 30 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc sơ cấp/trung cấp/cao đẳng nghề; hoặc người từ 16 tuổi đến 30 tuổi được doanh nghiệp tuyển dụng và chứng nhận đào tạo nghề tại chỗ (hình thức vừa học vừa làm)].
	Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở).

Dịch vụ xã hội cơ bản (Chiều thiếu hụt)	Chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Ngưỡng thiếu hụt
4. Nhà ở	Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là tường, cột, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc).
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8 m ² .
5. Nước sinh hoạt và vệ sinh	Nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt (gồm: nước máy, giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước khe/mỏ được bảo vệ và nước mưa, nước đóng chai bình).
	Nhà tiêu hợp vệ sinh	Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (gồm: tự hoại/bán tự hoại, thăm dột nước (Suilabh), cải tiến có ống thông hơi (VIP), hố xí đào có bệ ngồi, hai ngăn).
6. Thông tin	Sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng dịch vụ internet.
	Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có phương tiện nào trong số các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: - Phương tiện dùng chung: Tivi, radio, máy tính để bàn, điện thoại; - Phương tiện cá nhân: Máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh.





Người ký: Văn phòng Hội đồng Nhân dân
Email: vanthu_hdndtp@hanoi.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Thời gian ký: 24.07.2019 10:25:10 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2019/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng
thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình
sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 9**

(Từ ngày 08/7/2019 đến ngày 10/7/2019)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ
quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy
định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo
dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm
học 2015- 2016 đến năm học 2020- 2021;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo
hiểm y tế;*

*Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 20/6/2019 của Ủy ban nhân dân
thành phố Hà Nội về việc quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối
tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi
thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của
Ban Văn hóa - Xã hội, ý kiến các Ban HĐND Thành phố; Báo cáo giải trình,
tiếp thu số 216/BC-UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố; kết
quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thành viên thuộc hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo, cận nghèo mà trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc không có người còn khả năng lao động thuộc diện: người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật đặc biệt nặng, người mắc bệnh hiểm nghèo.

b) Thành viên thuộc hộ gia đình nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo hoặc thoát nghèo vượt qua mức chuẩn cận nghèo.

c) Người khuyết tật nặng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ. Các đối tượng này là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

Điều 2. Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội

1. Hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật đặc biệt nặng, người mắc bệnh hiểm nghèo (*HIV, ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 và các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế*); các đối tượng này là thành viên thuộc hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo hoặc cận nghèo mà trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc không có người còn khả năng lao động.

Mức hỗ trợ hàng tháng áp dụng bằng mức chuẩn nghèo của thành phố Hà Nội (*khu vực thành thị: 1.400.000 đồng/người/tháng; khu vực nông thôn: 1.100.000 đồng/người/tháng*). Mức hỗ trợ hàng tháng sẽ được điều chỉnh tương ứng khi chuẩn nghèo của Thành phố thay đổi.

2. Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho thành viên hộ gia đình nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng sau khi hộ gia đình thoát cận nghèo.

3. Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập mức 100.000 đồng/học sinh/tháng đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (kể cả học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên) là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế không quá 9 tháng/năm học, tối đa không quá 03 năm học sau khi hộ gia đình thoát nghèo.

4. Tiếp nhận: Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi

cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí tăng thêm để thực hiện các chính sách hỗ trợ tại các huyện, thị xã.
- Ngân sách quận tự đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn quận.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố: Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo rà soát hộ nghèo hàng năm đảm bảo chính xác, tin cậy; việc tổ chức thực hiện các chính sách phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, kịp thời và không để phát sinh hộ nghèo.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

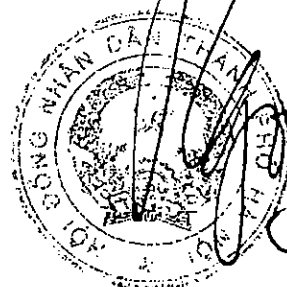
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 08/7/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2019. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, GD-ĐT, Y tế, Lao động Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP HĐND, VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Công GTĐT TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2017/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 4**

(Từ ngày 03/7 đến ngày 05/7/2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 9/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo 2011;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ: Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Liên Bộ: Y tế-Tài chính quy định thống nhất giá khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

Căn cứ Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 14/6/2017 của UBND Thành phố về quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban: Kinh tế Ngân sách, Văn hóa xã hội, Pháp chế; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 189/BC-UBND ngày 01/7/2017 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

3. Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo*).

4. Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

5. Quy định nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; mức chi và mức đóng góp đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo*).

6. Quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo*).

7. Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo*).

Điều 2.

1. Nghị quyết này thay thế Khoản 5, Khoản 6 Phụ lục số 09 Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố và bãi bỏ các Quyết định của UBND Thành phố số: 621/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 về quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; 634/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 về quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của thành phố Hà Nội; 90/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc tập trung nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội; 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; 41/2010/QĐ-UBND ngày 30/8/2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc tập trung nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội và số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về việc trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.

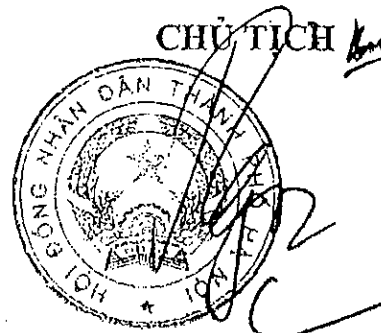
2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, LĐTBXH;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ TP;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Bích Ngọc



PHỤ LỤC 06

Quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng: Người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội.

3. Mức trợ cấp: 350.000 đồng/người/tháng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí trợ cấp cho người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội do ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao hàng năm.

**ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN THƯỜNG TRỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **133** /TB-MTTQ-BTT

Hà Nội, ngày **29** tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

**Ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội
đối với dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách
đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội**

Thực hiện Luật MTTQ Việt Nam năm 2015; Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTUMTTQVN ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quy chế phối hợp tổ chức phản biện xã hội số 03/QCPH-HĐND-UBND-UBMTTQVN ngày 31/01/2015 giữa HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 37/TB-HĐND ngày 21/10/2021 của HĐND Thành phố về Kết luận Hội nghị liên tịch thống nhất thời gian và nội dung kỳ họp thường lệ cuối năm 2021 của HĐND Thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 – 2026, trong đó đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội phản biện xã hội đối với “dự thảo nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội”.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội đã thực hiện quy trình phản biện xã hội đối với dự thảo Đề án nêu trên, cụ thể:

- Ban hành kế hoạch số 211/KH-MTTQ-BTT ngày 12/11/2021, về tổ chức phản biện xã hội đối với “dự thảo nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội”.

- Tiếp nhận tài liệu do sở Lao động – Thương binh và Xã hội - cơ quan tham mưu xây dựng dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố chuyển tới, gồm:

+ Dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

+ Tờ trình số 239-TTr/UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Thường trực HĐND Thành phố về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

- + Báo cáo 341/BC-STP ngày 29/10/2021 của Sở Tư pháp Thành phố thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.
- + Thông báo số 759/TB-UBND Kết luận của UBND Thành phố về việc quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.
- + Báo cáo số 6039/BC-SLĐTBXH Tổng kết thực hiện một số chính sách đặc thù của Thành phố trong lĩnh vực giảm nghèo và kết quả giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2021.
- + Báo cáo 6040/BC-SLĐTBXH Đánh giá tác động của chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.
- + Các tài liệu có liên quan khác.

- Tổ chức đoàn khảo sát thực tế tại xã Quảng Bị huyện Chương Mỹ và xã Vật Lại huyện Ba Vì.

Ngày 22/11/2021, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố tổ chức hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên. Thành phần dự Hội nghị phản biện xã hội gồm: đại diện Ban Dân vận Thành ủy; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố; đại diện sở Lao động Thương binh và Xã hội, sở Tư pháp; các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Ban chủ nhiệm và một số thành viên các Hội đồng tư vấn của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội; các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý thuộc lĩnh vực phản biện; Đại diện lãnh đạo UBND huyện Sóc Sơn.

Tại Hội nghị có 11 lượt ý kiến phát biểu và nhiều ý kiến bằng văn bản, góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố. Trên cơ sở các ý kiến bằng văn bản, các ý kiến phát biểu tại các buổi khảo sát và tại hội nghị phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội có một số ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên như sau:

I. Nhận xét chung:

Hồ sơ dự thảo tờ trình và Nghị quyết được chuẩn bị khẩn trương, đầy đủ, chặt chẽ, đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Tờ trình và Nghị quyết đã đảm bảo căn cứ pháp lý, đó là: Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật Ngân sách Nhà nước 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày

27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Tờ trình và dự thảo nghị quyết đã đảm bảo cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn, đó là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII và Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy về chủ trương “Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021 – 2025” trong đó đề ra mục tiêu “phấn đấu đến năm 2025 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố”. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội - Cơ quan tham mưu nội dung đã đánh giá tổng kết thực hiện chính sách đặc thù của Thành phố trong lĩnh vực giảm nghèo và kết quả giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2021 và đánh giá tác động của chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, Tờ trình và dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố chưa căn cứ Luật Thủ đô để có thêm cơ sở ban hành chính sách đặc thù của Thành phố.

II. Ý kiến phản biện xã hội và một số kiến nghị, đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội:

Trên cơ sở các ý kiến, kiến nghị, đề nghị của các đại biểu tại địa điểm khảo sát và tại hội nghị phản biện xã hội, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội có một số ý kiến, kiến nghị, đề nghị như sau:

1. Đánh giá cao và thống nhất chủ trương xây dựng, ban hành nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội là cần thiết, nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII, đáp ứng tình hình thực tế tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố đang ở thời điểm hết sức khó khăn, dịch bệnh Covid-19 đang có những diễn biến phức tạp. Mặt khác, một số quy định về mức hỗ trợ trước đây không còn phù hợp với tình hình hiện nay. Vì vậy cần phải sửa đổi, bổ sung một số chính sách nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của Thành phố.

2. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố đề nghị một số nội dung sau:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh:

Đề nghị bổ sung trong điều 1 dự thảo nghị quyết quy định về giai đoạn thực hiện từ 2022 – 2025 để thống nhất với Tờ trình của UBND Thành phố.

2.2. Về đối tượng áp dụng:

- Đề nghị UBND Thành phố nghiên cứu, xem xét nâng độ tuổi đối tượng hỗ trợ là trẻ em từ dưới 13 tuổi lên dưới 15 tuổi, bởi điều 1 Luật trẻ em quy định “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”; mặt khác khoản 1, điều 3 Luật Việc làm hiện

hành quy định “Người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc”. Như vậy trẻ dưới 15 tuổi chưa phải là người lao động và vẫn là đối tượng cần được quan tâm, bảo vệ, trợ giúp.

- Đề nghị UBND xem xét bổ sung đối tượng thụ hưởng là những trường hợp người không có hộ khẩu thường trú ở Thành phố nhưng sinh sống thực tế, lâu dài trên địa bàn Thành phố.

- Đề nghị UBND Thành phố làm rõ hơn về danh mục bệnh hiểm nghèo, như bệnh Parkinson, những bệnh do di chứng của Covid-19... Do người mắc bệnh gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, mất khả năng lao động.

2.3. Về chính sách hỗ trợ hàng tháng:

Về mức hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân, đề nghị UBND xem xét nâng mức hỗ trợ tương xứng với mức tăng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính Phủ (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP tăng từ 210.000đ/tháng/người lên 360.000đ/tháng/người - tăng 150.000đ/người/tháng), theo đó, mức tăng của Thành phố là từ 350.000đ/tháng/người lên 500.000đ/tháng/người. Như vậy, mức hỗ trợ sẽ thiết thực hơn đối với những người cần được hỗ trợ.

2.4. Về chính sách hỗ trợ y tế:

Quy định trong Dự thảo đã thể hiện tính ưu việt của chính sách, sự quan tâm của Thành phố đối với người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, giảm bớt khó khăn cho những hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo, tránh tái nghèo, đồng thời tăng độ bao phủ bảo hiểm y tế.

Tuy nhiên, trên thực tế người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo khi đã mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định trong dự thảo nghị quyết, họ đã mất hoặc giảm khả năng lao động và tốn rất nhiều chi phí trong điều trị bệnh. Vì vậy, đề nghị UBND Thành phố xem xét có chính sách hỗ trợ đối với những trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo đặc biệt.

2.5. Về chính sách hỗ trợ giáo dục:

Đề nghị cơ quan tham mưu cân nhắc nâng mức hỗ trợ chi phí học tập tại khoản 3, điều 4 dự thảo nghị quyết, bởi với mức hỗ trợ 150.000đ/tháng trong điều kiện bình thường chưa đủ bù đắp chi phí học tập của các em, thì trong những điều kiện đặc biệt như hiện nay, khi các em phải học online thì mức hỗ trợ này càng không đủ.

2.6. Về nguồn kinh phí:

Đề nghị UBND Thành phố làm rõ nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện khi nghị quyết được thông qua và ban hành.

2.7. Về tổ chức thực hiện:

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1, điều 6: Giao Ủy ban nhân dân Thành phố **hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo, tổ chức thực hiện** Nghị quyết, chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác công khai, minh bạch;...

- Khoản 3, điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “Các quận, huyện, thị xã được quy định các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo phù hợp tình hình thực tế, điều kiện kinh tế – xã hội và ngân sách của địa phương”, quy định như vậy mâu thuẫn với khoản 1 điều 6 và dễ gây hiểu nhầm là quận, huyện, thị xã ban hành chính sách này.

2.8. Đề nghị lãnh đạo HĐND, UBND Thành phố quan tâm phối hợp và tham dự hội nghị PBXH, thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa HĐND – UBND- UBMTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội.

Trên đây là ý kiến phân biện của Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố đối với dự thảo nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Thành ủy (để B/C)
- Thường trực Thành ủy (để BC)
- Thường trực HĐND TP;
- Ủy ban nhân dân TP;
- Ban TT Ủy ban MTTQ TP;
- Ban KT-NS HĐND TP;
- Văn phòng UBND TP;
- Sở LĐ-TB&XH, TC TPHN;
- Lưu: VT, Ban DC-PL

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

CHỦ TỊCH



Nguyễn Lan Hương

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ LAO ĐỘNG –
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Ký bởi: Sở Lao động Thương binh và Xã hội
Email: vanthu_soldtbxh@hanoi.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Ngày ký: 02/12/2021 08:32:58 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6TH** /Tr-SLĐTBXH

Hà Nội, ngày **02** tháng **12** năm **2021**

TỜ TRÌNH

V/v duyệt ký hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Chương trình công tác của UBND thành phố Hà Nội;

Thực hiện Văn bản số 348/HĐND-VTXH ngày 12/11/2021 của Thường trực HĐND Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp cuối năm 2021;

Thực hiện Thông báo số 133/TB-MTTQ-BTT ngày 29/11/2021 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội về ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội đối với dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội; Công văn số 13049/VP-KGVX ngày 30/11/2021 của Văn phòng UBND Thành phố về việc ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội đối với dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo như sau:

1. Ngày 15/11/2021, Liên Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội. Tài chính đã có Tờ trình số 6404/LS:Tr-LĐTBXH-TC về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội; Ngày 19/11/2021 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Tờ trình số 6513/Tr-SLĐTBXH về việc duyệt ký hồ sơ ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội, báo cáo UBND Thành phố.

2. Thực hiện Thông báo số 133/TB-MTTQ-BTT ngày 29/11/2021 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội về ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội đối với dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục

tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội; Công văn số 13049/VP-KGVX ngày 30/11/2021 của Văn phòng UBND Thành phố

Sau khi thống nhất với các cơ quan liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

2.1 Các ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo nghị quyết

- Tờ trình và dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố chưa căn cứ Luật Thủ đô để có thêm cơ sở ban hành chính sách đặc thù của Thành phố.

- Về phạm vi điều chỉnh: Đề nghị bổ sung trong Điều 1 dự thảo nghị quyết quy định về giai đoạn thực hiện từ 2022 – 2025 để thống nhất với Tờ trình của UBND Thành phố.

- Về đối tượng áp dụng:

+ Đề nghị Thành phố nghiên cứu, xem xét nâng độ tuổi trẻ em lên dưới 15 tuổi để phù hợp Luật Trẻ em và Luật Việc làm. Trẻ dưới 15 tuổi chưa phải là người lao động và vẫn là đối tượng cần được quan tâm, bảo vệ, trợ giúp.

+ Đề nghị xem xét bổ sung đối tượng thụ hưởng là những trường hợp người không có hộ khẩu thường trú ở Thành phố nhưng sinh sống thực tế, lâu dài trên địa bàn Thành phố.

+ Đề nghị làm rõ hơn về danh mục bệnh hiểm nghèo, như bệnh Parkinson, những bệnh do di chứng của nhiễm Covid-19... do người mắc bệnh gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, mất khả năng lao động.

- Về chính sách hỗ trợ hàng tháng: Đề nghị xem xét nâng mức hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân tương xứng với mức tăng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính Phủ (*Nghị định số 20/2021/NĐ-CP tăng từ 210.000đ/tháng/người lên 360.000đ/tháng/người -tăng 150.000đ /người/tháng*), theo đó, mức tăng của Thành phố là từ 350.000đ/tháng/người lên 500.000đ/tháng/người.

- Về chính sách hỗ trợ y tế: Đề nghị Thành phố xem xét có chính sách hỗ trợ đối với những trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo đặc biệt (*do người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo khi đã mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định trong dự thảo nghị quyết đã mất hoặc giảm khả năng lao động và tốn rất nhiều chi phí trong điều trị bệnh*).

- Về chính sách hỗ trợ giáo dục: Đề nghị cơ quan tham mưu cân nhắc nâng mức hỗ trợ chi phí học tập tại khoản 3, điều 4 dự thảo nghị quyết, bởi với mức hỗ trợ 150.000đ/tháng trong điều kiện bình thường cũng chưa đủ bù đắp chi phí học tập của các em, thì trong những điều kiện đặc biệt như hiện nay, khi các em phải ở nhà học online thì mức hỗ trợ này càng không đủ.

- Về nguồn kinh phí: Đề nghị Thành phố làm rõ nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện khi nghị quyết được thông qua và ban hành.

- Về tổ chức thực hiện: Sửa câu, từ để làm đảm bảo các điều, khoản được rõ ràng, không gây hiểu lầm.

2.2 Những nội dung tiếp thu (03 nội dung)

(1) Đối với ý kiến phản biện: “Về phạm vi điều chỉnh: Đề nghị bổ sung trong điều 1 dự thảo nghị quyết quy định về giai đoạn thực hiện từ 2022 – 2025 để thống nhất với Tờ trình của UBND Thành phố”.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp thu và bổ sung “giai đoạn 2022-2025” vào dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

(2) Đối với ý kiến phản biện: “Về đối tượng áp dụng: Đề nghị Thành phố nghiên cứu, xem xét nâng độ tuổi đối tượng hỗ trợ trẻ em từ dưới 13 tuổi lên dưới 15 tuổi, bởi điều 1 Luật Trẻ em quy định “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”; mặt khác khoản 1, điều 3 Luật Việc làm hiện hành quy định “Người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc”. Như vậy trẻ em dưới 15 tuổi chưa phải là người lao động và vẫn là đối tượng cần được quan tâm, bảo vệ, trợ giúp”.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo trên cơ sở: Tại Khoản 3 Điều 143 Bộ luật Lao động quy định “Người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi chỉ được làm công việc nhẹ theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành”; Tại Điều 8 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên, trong đó ban hành 12 danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm.

Trên cơ sở các ý kiến phản biện xã hội, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp thu và điều chỉnh đối tượng áp dụng: “Trẻ em dưới 15 tuổi”.

(3) Đối với ý kiến phản biện: “Về tổ chức thực hiện: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 6: Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác công khai, minh bạch” và “Khoản 3, điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “Các quận, huyện, thị xã được quy định các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo phù hợp tình hình thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội và ngân sách của địa phương”, quy định như vậy mâu thuẫn với khoản 1, điều 6 và dễ gây hiểu nhầm là quận, huyện, thị xã ban hành chính sách này”.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp thu vào dự thảo Nghị quyết: Tại khoản 1 điều 6 bổ sung “hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo”, “hộ cận nghèo” và khoản 3 điều 6 bổ sung từ “khác” trong cụm từ “Các quận, huyện, thị xã được quy định các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo khác” để tránh gây hiểu nhầm và để các quận, huyện, thị xã có các giải pháp giảm nghèo phù hợp với

đặc điểm của từng địa phương, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII về mục tiêu giảm nghèo.

2.3. Những nội dung đề nghị giữ nguyên như dự thảo

Những nội dung còn lại, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên như dự thảo đã trình và xin giải trình cụ thể như sau:

- *Đối với ý kiến phản biện:* “Tờ trình và dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố chưa căn cứ Luật Thủ đô để có thêm cơ sở ban hành chính sách đặc thù của Thành phố”.

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do chính sách đang được xây dựng căn cứ Luật Ngân sách. Luật Thủ đô không có điều, khoản liên quan để dẫn chiếu.

- *Đối với ý kiến phản biện:* “Đề nghị xem xét bổ sung đối tượng thụ hưởng là những trường hợp người không có hộ khẩu thường trú ở Thành phố nhưng sinh sống thực tế, lâu dài trên địa bàn Thành phố”.

Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do Hà Nội là thành phố có tốc độ đô thị hóa nhanh, tỷ lệ tăng dân số bình quân trên 2,2%/năm, trong đó chủ yếu là người từ các địa phương khác chuyển đến sinh sống tại Hà Nội. Tại điều 1 Dự thảo Nghị quyết về phạm vi áp dụng ghi rõ “**Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội,**” đây là chính sách đặc thù của Thành phố, hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo để ổn định cuộc sống, nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo của Thành phố, nguồn kinh phí thực hiện hoàn toàn lấy từ nguồn địa phương. Do đó, đề nghị chính sách chỉ áp dụng đối tượng đăng ký thường trú ở thành phố Hà Nội để đảm bảo khả năng cân đối của Ngân sách Thành phố.

- *Đối với ý kiến phản biện:* “Đề nghị làm rõ hơn về danh mục bệnh hiểm nghèo, như bệnh Parkinson, những bệnh do di chứng của nhiễm Covid-19... do người mắc bệnh gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, mất khả năng lao động”.

Đến thời điểm hiện tại, Bộ Y tế chưa ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo. Chính sách dự thảo cho những đối tượng này để đón đầu quy định, khi Bộ Y tế có quy định thì có chính sách để thực hiện ngay. Trước mắt, đề xuất thực hiện cho 4 bệnh hiểm nghèo được coi là nguy hiểm, ảnh hưởng đến tính mạng và chi phí chữa bệnh tốn kém nhất là ung thư, suy thận phải chạy thận nhân tạo, suy tim độ 4 và suy gan giai đoạn mất bù. Đối với các loại bệnh khác, nếu có biểu hiện dưới dạng tật sẽ được hưởng các chính sách đối với người khuyết tật.

- *Đối với ý kiến phản biện:* “Đề nghị xem xét nâng mức hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân tương xứng với mức tăng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính

Phủ (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP tăng từ 210.000đ/tháng/người lên 360.000đ/tháng/người -tăng 150.000đ /người/tháng), theo đó, mức tăng của Thành phố là từ 350.000đ /tháng/người lên 500.000đ/tháng/người”.

Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do mức hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở mức chuẩn trợ giúp xã hội đã được Thành phố quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND là 440.000 đồng (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ tăng mức chuẩn từ 270.000 - 360.000 đồng, tăng 90.000 đồng; mức chuẩn của Thành phố cũng tăng từ 350.000 - 440.000 đồng, tăng tương ứng 90.000 đồng).

- *Đối với ý kiến phản biện:* “Đề nghị Thành phố xem xét có chính sách hỗ trợ đối với những trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo đặc biệt (do người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo khi đã mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định trong dự thảo nghị quyết đã mất hoặc giảm khả năng lao động và tốn rất nhiều chi phí trong điều trị bệnh)”.

Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do dự thảo đã chính sách quy định hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng người mắc bệnh hiểm nghèo, mức hưởng thực hiện theo đúng quy định của Luật bảo hiểm y tế. Chính sách này cũng dự thảo điều, khoản để người dân có thể lựa chọn chính sách hỗ trợ phù hợp, tùy theo điều kiện cụ thể, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo có thể lựa chọn và đề xuất được hưởng chính sách phù hợp đã được quy định.

- *Đối với ý kiến phản biện:* “Đề nghị cơ quan tham mưu cân nhắc nâng mức hỗ trợ chi phí học tập tại khoản 3, điều 4 dự thảo nghị quyết, bởi với mức hỗ trợ 150.000đ/tháng trong điều kiện bình thường cũng chưa đủ bù đắp chi phí học tập của các em, thì trong những điều kiện đặc biệt như hiện nay, khi các em phải ở nhà học online thì mức hỗ trợ này càng không đủ”.

Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do mức hỗ trợ chi phí học tập được xây dựng bằng mức hỗ trợ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: Học sinh thuộc hộ nghèo được hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/em/tháng. Nếu quy định mức hỗ trợ cho học sinh thuộc hộ thoát nghèo cao hơn thì không đảm bảo tính cân đối, phù hợp của chính sách. Chính sách của Thành phố nhằm đảm bảo học sinh thuộc hộ thoát nghèo vẫn được hưởng hỗ trợ như đối với hộ nghèo, nhằm động viên khuyến khích hộ thoát nghèo và ổn định cuộc sống sau khi thoát nghèo.

- *Đối với ý kiến phản biện:* “Đề nghị Thành phố làm rõ nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện khi nghị quyết được thông qua và ban hành”.

Tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết đã ghi rõ: Nguồn kinh phí thực hiện: “Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.” Sở Tài chính đã tính toán, cân đối đảm bảo có đủ nguồn lực để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

3. Đề xuất của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

Trên cơ sở đề xuất những ý kiến tiếp thu và những ý kiến đề nghị giữ nguyên như sự thảo nêu trên, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện Dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 vào kỳ họp cuối năm 2021 và Dự thảo Nghị quyết. Kính đề nghị UBND Thành phố duyệt ký hồ sơ trình.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các văn bản:

1. Dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố gửi HĐND thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết;
2. Dự thảo Báo cáo thuyết minh căn cứ ban hành Nghị quyết;
3. Dự thảo Nghị quyết;
4. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
5. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội kính trình UBND Thành phố xem xét, quyết định./. *(Chữ ký)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BTXH.



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ LAO ĐỘNG –
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Ký bởi: Sở Lao động Thương binh và Xã hội
Email: vanthu_soldtbxh@hanoi.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hà Nội
Ngày ký: 02/12/2021 08:32:49 +07:00

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6776** /BC-SLĐTBXH

Hà Nội, ngày **02** tháng **12** năm 2021

BÁO CÁO

**Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện xã hội
vào dự thảo “Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù
thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội”**

Thực hiện Thông báo số 133/TB-MTTQ-BTTTT ngày 29/11/2021 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội về ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội đối với dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội;

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến phản biện xã hội, cụ thể như sau:

1. Những nội dung tiếp thu (03 nội dung)

(1) “Về phạm vi điều chỉnh: Đề nghị bổ sung trong điều 1 dự thảo nghị quyết quy định về giai đoạn thực hiện từ 2022 - 2025 để thống nhất với Tờ trình của UBND Thành phố”.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp thu và bổ sung “giai đoạn 2022-2025” vào dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

(2) “Về đối tượng áp dụng: Đề nghị Thành phố nghiên cứu, xem xét nâng độ tuổi đối tượng hỗ trợ trẻ em từ dưới 13 tuổi lên dưới 15 tuổi, bởi điều 1 Luật Trẻ em quy định “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”; mặt khác khoản 1, điều 3 Luật Việc làm hiện hành quy định “Người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc”. Như vậy trẻ em dưới 15 tuổi chưa phải là người lao động và vẫn là đối tượng cần được quan tâm, bảo vệ, trợ giúp”.

Tại Khoản 3 Điều 143 Bộ luật Lao động quy định “Người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi chỉ được làm công việc nhẹ theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành”; Tại Điều 8 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động chưa thành niên, trong đó ban hành 12 danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm.

Trên cơ sở các ý kiến phản biện xã hội, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp thu và điều chỉnh đối tượng áp dụng: “*Trẻ em dưới 15 tuổi*”.

(3) “*Về tổ chức thực hiện: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 6: Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo chính xác công khai, minh bạch*” và “*Khoản 3, điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “Các quận, huyện, thị xã được quy định các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo phù hợp tình hình thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội và ngân sách của địa phương”, quy định như vậy mâu thuẫn với khoản 1, điều 6 và dễ gây hiểu nhầm là quận, huyện, thị xã ban hành chính sách này*”.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất tiếp thu vào dự thảo Nghị quyết: Tại khoản 1 điều 6 bổ sung “*hướng dẫn cụ thể, chỉ đạo*”, “*hộ cận nghèo*” và khoản 3 điều 6 bổ sung từ “*khác*” trong cụm từ “*Các quận, huyện, thị xã được quy định các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo khác*” để tránh gây hiểu nhầm và để các quận, huyện, thị xã có các giải pháp giảm nghèo phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII về mục tiêu giảm nghèo.

2. Những nội dung đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết đã trình

Đề nghị giữ nguyên như dự thảo đối với 07 nội dung, được giải trình cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội./. *CL*

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- UB MT-TQ Việt Nam TP. Hà Nội;
- PCT UBND TP. Chư Xuân Dũng;
- Lưu VT, BTXH.



Bạch Liên Hương

PHỤ LỤC

Giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện xã hội vào dự thảo

“Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù

thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội”

(Kèm theo Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 02/12/2021 của Sở Lao động -
Thương binh và Xã hội)

TT	Ý kiến phản biện	Ý kiến giải trình, tiếp thu
1	Tờ trình và dự thảo nghị quyết của HĐND Thành phố chưa căn cứ Luật Thủ đô để có thêm cơ sở ban hành chính sách đặc thù của Thành phố.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do chính sách đang được xây dựng căn cứ Luật Ngân sách và Luật Thủ đô không có điều, khoản liên quan để dẫn chiếu.
2	Về đối tượng áp dụng: - Đề nghị xem xét bổ sung đối tượng thụ hưởng là những trường hợp người không có hộ khẩu thường trú ở Thành phố nhưng sinh sống thực tế, lâu dài trên địa bàn Thành phố.	Hà Nội là thành phố có tốc độ đô thị hóa nhanh, tỷ lệ tăng dân số bình quân trên 2,2%/năm, trong đó chủ yếu là người từ các địa phương khác chuyển đến sinh sống tại Hà Nội. Tại điều 1 Dự thảo Nghị quyết về phạm vi áp dụng ghi rõ “Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội,” đây là chính sách đặc thù của Thành phố, hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo, thoát cận nghèo để ổn định cuộc sống, nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo của Thành phố, nguồn kinh phí thực hiện hoàn toàn lấy từ nguồn địa phương. Do đó, đề nghị chính sách chỉ áp dụng đối tượng đăng ký thường trú ở thành phố Hà Nội để đảm bảo khả năng cân đối của Ngân sách Thành phố. Sở Lao động-TB&XH xin chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết để làm rõ.

3	Đề nghị làm rõ hơn về danh mục bệnh hiểm nghèo, như bệnh Parkinson, những bệnh do di chứng của nhiễm Covid-19... do người mắc bệnh gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, mất khả năng lao động.	Đến thời điểm hiện tại, Bộ Y tế chưa ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo. Chính sách dự thảo cho những đối tượng này để đón đầu quy định, khi Bộ Y tế có quy định thì có chính sách để thực hiện ngay. Trước mắt, đề xuất thực hiện cho 4 bệnh hiểm nghèo được coi là nguy hiểm, ảnh hưởng đến tính mạng và chi phí chữa bệnh tốn kém nhất là ung thư, suy thận phải chạy thận nhân tạo, suy tim độ 4 và suy gan giai đoạn mất bù. Đối với các loại bệnh khác, nếu có biểu hiện dưới dạng tật sẽ được hưởng các chính sách đối với người khuyết tật.
4	Về chính sách hỗ trợ hàng tháng: - Đề nghị xem xét nâng mức hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân tương xứng với mức tăng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính Phủ (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP tăng từ 210.000đ/tháng/người lên 360.000đ/tháng/người -tăng 150.000đ /người/tháng), theo đó, mức tăng của Thành phố là từ 350.000đ/tháng/người lên 500.000đ/tháng/người.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do mức hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở mức chuẩn trợ giúp xã hội đã được Thành phố quy định tại Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND là 440.000 đồng. (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ tăng mức chuẩn từ 270.000 - 360.000 đồng, tăng 90.000 đồng; mức chuẩn của Thành phố cũng tăng từ 350.000 - 440.000 đồng, tăng tương ứng 90.000 đồng).
5	Về chính sách hỗ trợ y tế: Đề nghị Thành phố xem xét có chính sách hỗ trợ đối với những trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo đặc biệt (do người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo khi đã mắc	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do dự thảo chính sách quy định hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, mức hưởng thực hiện theo đúng quy định của Luật bảo hiểm y tế.

	bệnh hiểm nghèo theo quy định trong dự thảo nghị quyết đã mất hoặc giảm khả năng lao động và tốn rất nhiều chi phí trong điều trị bệnh).	Chính sách cũng xây dựng cơ sở để người dân có thể lựa chọn chính sách hỗ trợ phù hợp, tùy theo điều kiện cụ thể, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo có thể đề nghị hưởng chính sách theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND.
6	Về chính sách hỗ trợ giáo dục: Đề nghị cơ quan tham mưu cân nhắc nâng mức hỗ trợ chi phí học tập tại khoản 3, điều 4 dự thảo nghị quyết, bởi với mức hỗ trợ 150.000đ/tháng trong điều kiện bình thường cũng chưa đủ bù đắp chi phí học tập của các em, thì trong những điều kiện đặc biệt như hiện nay, khi các em phải ở nhà học online thì mức hỗ trợ này càng không đủ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do mức hỗ trợ chi phí học tập được xây dựng bằng mức hỗ trợ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể: * Học sinh thuộc hộ nghèo được hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/ em/tháng. * Nếu quy định mức hỗ trợ cho học sinh thuộc hộ thoát nghèo cao hơn thì không đảm bảo tính cân đối, phù hợp của chính sách. Chính sách của Thành phố nhằm đảm bảo học sinh thuộc hộ thoát nghèo vẫn được hưởng hỗ trợ như đối với hộ nghèo, nhằm động viên khuyến khích hộ thoát nghèo và ổn định cuộc sống sau khi thoát nghèo.
7	Về nguồn kinh phí: Đề nghị Thành phố làm rõ nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện khi nghị quyết được thông qua và ban hành.	Tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết đã ghi rõ: Nguồn kinh phí thực hiện: “Ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo theo phân cấp.” Sở Tài chính đã tính toán, cân đối đảm bảo có đủ nguồn lực để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách.